

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 6 - 2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Ánh Minh.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST - HNGĐ, ngày 11/01/2019 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Trúc P, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Phan Trọng T, sinh năm 1983 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Trúc P trình bày: Chị và anh Phan Trọng T kết hôn do quen biết, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì ly thân do không hợp nhau, thường hay cự cãi nhau, ly thân đến năm 2016 thì hàn gắn lại, vợ chồng tiếp tục sống chung đến năm 2017 thì ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Phan Trọng T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị Trúc P có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh Phan Trọng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Trúc P và anh Phan Trọng T, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/6/2012. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị P trình bày thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì ly thân do không hợp nhau, thường hay cự cãi nhau, đến năm 2016 anh chị đoàn tụ, năm 2017 thì tiếp tục ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị P và anh T chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, thời gian sống ly thân anh chị có hàn gắn để đoàn tụ nhưng sau đó lại tiếp tục sống ly thân, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với chị P, mục đích để anh chị hàn gắn nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh T có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị P. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng chị P, anh T là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, đối với anh T trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có con chung, tài sản chung và nợ chung không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Phan Thị Trúc P phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Trúc P.

Chị Phan Thị Trúc P được ly hôn với anh Phan Trọng T.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị Trúc P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Trúc P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Phan Thị Trúc P phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre
(ĐKKH số xx, ngày 11/6/2012) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện